**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÝ 10 BÀI 39:**

**ĐỊA LÍ NGÀNH THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**Câu 1:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với ngoại thương?

 **A.** Gắn liền thị trường trong nước với thị trường thế giới.

 **B.** Làm kinh tế đất nước thành bộ phận kinh tế thế giới

 **C.** Làm gia tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước

 **D.** Góp phần đẩy mạnh việc trao đổi hàng hoá trong nước

**Câu 2:**  Vai trò của thương mại đối với đời sống người dân là

**A.** Thay đổi thị hiếu tiêu dùng, nhu cầu tiêu dùng

**B.** Thay đổi cả về số lượng và chất lượng sản xuất

**C.** Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ

**D.** Thúc đẩy hĩnh thành các ngành chuyên môn hóa

**Câu 3:**  Nguyên nhân nào sau đây làm cho thông qua hoạt động nhập khẩu, nền kinh tể trong nước tim được động lực phát triển mạnh mẽ?

 **A.** Nền sản xuất trong nước tim được thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn.

 **B.** Nền sản xuất trong nước đứng trước yêu cầu nâng cao chất lượng

 **C.** Ngoại tệ thu được dùng để tích luỹ và nâng cao đời sông nhân dân.

 **D.** Hoàn thiện kĩ thuật và công nghệ sản xuất, cơ sở nguyên vật liệu.

**Câu 4:**  Thị trường được hiểu là

**A.** Nơi tiến hành trao đổi những sản phẩm hàng hóa.

**B.** Nơi gặp gỡ giữa bên bán bên mua.

**C.** Nơi diễn ra tất cả các hoạt động dịch vụ.

**D.** Nơi có các chợ và siêu thị.

**Câu 5:**  Khi cung nhỏ hơn cầu thì giá cả

**A.** Có xu hướng tăng, sản xuất có nguy cơ đinh đốn.

**B.** Có xu hướng giảm, sản xuất có nguy cơ đinh đốn.

**C.** Có xu hướng tăng, kích thích mở rộng sản xuất.

**D.** Có xu hướng giảm, kích thích mở rộng sản xuất.

**Câu 6:**  Thương mại là khâu nối giữa sản xuất với tiêu dùng thông qua

**A.** Việc vận chuyển hàng hóa giữa bên bán và bên mua.

**B.** Việc luân chuyển các loại hàng hóa, dịch vụ giữa người bán và người mua.

**C.** Việc luân chuyển các loại hàng hóa dịch vụ giữa các vùng.

**D.** Việc trao đổi các loại hàng hóa dịch vụ giữa các địa phương với nhau.

**Câu 7:**  Ý nào dưới đây không phải là vai trò của hoạt động thương mại?

**A.** Điều tiết sản xuất.

**B.** Thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

**C.** Phân tích thị trường trong nước và quốc tế.

**D.** Hướng dẫn tiêu dùng.

**Câu 8:**  Ba trung tâm buôn bán lớn nhất của thế giới là

**A.** Trung Quốc, Hoa Kì, châu Âu. **B.** Hoa Kì, Tây Âu, Nhật Bản.

**C.** Bắc Mĩ, châu Âu, châu Á. **D.** Nam Mĩ, Trung Quốc, Ấn Độ.

**Câu 9:**  Khái niệm nào sau đây không đúng?

**A.** Thị trường là nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua.

**B.** Hàng hoá là sản phẩm, dịch vụ trao đổi trên thị trường,

**C.** Vật ngang giá dùng để đo giá trị của hàng hoá, dịch vụ.

**D.** Thị trường không phải hoạt động theo quy luật cung cầu.

**Câu 10:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với quy luật cung cầu trong thị trường?

**A.** Khi cung lớn hơn cầu, giá cả thị trường tăng.

**B.** Khi cung nhỏ hơn cầu, người bán không có lợi.

**C.** Đến một lúc nào đó cung và cầu đạt cân bằng.

**D.** Giá cả trên thị trường thường xuyên biến động.

**Câu 11:**  Phát biếu nào sau đây không đúng với vai trò cùa ngành thương mại?

**A.** Điều tiết và hướng dẫn người tiêu dùng. **B.** Góp phần thúc dẩy sản xuất hảng hoá.

**C.** Giúp khai thác hiệu quà các điềm Ịợi thế. **D.** Đảm bảo đời sống người dân thông suốt

**Câu 12:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với tác động của hoạt động xuất khẩu tới sự phát triển nền kinh tế trong nước?

**A.** Nền sản xuất trong nước tìm được thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn.

**B.** Nền sản xuất trong nước đứng trước yêu cầu nâng cao chất lượng,

**C.** Ngoại tệ thu được dùng để tích luỹ và nâng cao đời sống nhân dân.

**D.** Hoàn thiện kĩ thuật và công nghệ sản xuất, cơ sở nguyên vật liệu.

**Câu 13:**  Phát biểu nào sau đây đúng với ngoại thương?

**A.** Góp phần làm tăng thêm nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**B.** Làm nhiệm vụ trao đổi hàng hoá, dịch vụ trong một nước,

**C.** Góp phần đẩy mạnh chuyên môn hoá sản xuất theo vùng.

**D.** Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

**Câu 14:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với nội thương?

**A.** Góp phần làm tăng thêm nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**B.** Làm nhiệm vụ trao đổi hàng hoá, dịch vụ trong một nước,

**C.** Góp phần đẩy mạnh chuyên môn hoá sản xuất theo vùng.

**D.** Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

**Câu 15:**  Để đo giá trị của hàng hóa và dịch vụ cần có vật ngang giá. Vật ngang giá hiện đại là gì ?

**A.** Tiền. **B.** Vàng. **C.** Dầu mỏ. **D.** Cả 3 ý trên.

**Câu 16:**  Theo quy luật cung-cầu, khi cung lớn hơn cầu thì giá cả

**A.** Có xu hướng tăng, sản xuất có nguy cơ đinh đốn.

**B.** Có xu hướng giảm, sản xuất có nguy cơ đinh đốn.

**C.** Có xu hướng tăng, kích thích mở rộng sản xuất.

**D.** Có xu hướng giảm, kích thích mở rộng sản xuất.

**Câu 17:**  Phát biểu nào sau đây hợp lí nhất về cơ cấu hàng xuất khẩu?

**A.** Nhóm các nguyên liệu chưa qua chế biến và các sản phẩm đã qua chế biến

**B.** Nhóm các nguyên liệu chưa qua chế biến và nhóm các tư liệu sản xuất.

**C.** Nhóm các nguyên liệu chưa qua chế biến và nhóm sản phẩm tiêu dùng.

**D.** Nhóm tư liệu sản xuất (nguyên liệu, thiết bị...) và sản phẩm tiêu dùng.

**Câu 18:**  Phát biểu nào sau đây là họp lí nhất về cơ cấu hàng nhập khẩu?

**A.** Nhóm nguyên liệu chưa qua chế biến và các sản phẩm đã qua chế biến.

**B.** Nhóm các nguyên liệu chưa qua chế biến và nhóm các tư liệu sản xuất.

**C.** Nhóm các nguyên liệu chưa qua chế biến và nhóm sản phẩm tiêu dùng.

**D.** Nhóm tư liệu sản xuất (nguyên liệu, thiết bị...) và sản phẩm tiêu dùng.

**Câu 19:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm của thị trường thế giới?

**A.** Hiện nay thành một hệ thống toàn cầu. **B.** Thương mại, dịch vụ điện tử xuất hiện.

**C.** Khối lượng buôn bán thế giới tăng mạnh. **D.** Các mặt hàng nông sản tăng cao tỉ trọng.

**Câu 20:**  Quy luật hoạt động của thị trường  là:

**A.** Cung – cầu **B.** Cạnh tranh

**C.** Tương hỗ **D.** Trao đổi

**Câu 21:**  Điều nào sau đây là đúng khi cung lớn hơn  cầu:

**A.** Giá cả có xu hướng tăng lên

**B.** Hàng hố khan hiếm

**C.** Sản xuất có nguy cơ đình trệ

**D.** Kích thích nhà sản xuất mở rộng sản xuất, kinh  doanh

**Câu 22:**  Điều nào sau đây không đúng với tiền  tệ:

**A.** Là một loại hàng hố đặc biệt **B.** Có tác đụng là vật ngang giá chung

**C.** Là thước đo giá trị hàng hố, dịch vụ **D.** Tất cả các ý trên

**Câu 23:**  Giá trị xuất khẩu tính trên đầu người cao nhất trong các quốc gia trên là

**A.** Trung Quốc. **B.** Ca-na-da. **C.** Đức. **D.** Pháp.

**Câu 24:**  Gía trị xuất khẩu tính trên đầu người thấp nhất trong các quốc gia trên là

**A.** Trung quốc. **B.** Ca-na-da. **C.** Thái Lan. **D.** Ấn Độ.

**Câu 25:**  Ngành thương mại có vai  trò:

**A.** Là khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng

**B.** Điều tiết sản xuất

**C.** Hướng dẫn tiêu dùng và tạo ra các tập quán tiêu dùng  mới

**D.** Tất cả các ý trên

**Câu 26:**  Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành nội  thương:

**A.** Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ

**B.** Tạo ra thị trường thống nhất trong nước

**C.** Phục vụ cho nhu cầu của từng cá nhân trong xã  hội

**D.** Gắn thị trường trong nước với quốc  tế

**Câu 27:**  Khi chính thức tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO) Việt Nam là thành viên thứ:

**A.** 148 **B.** 149 **C.** 150 **D.** 151

**Câu 28:**  Việt Nam là thành viên của các tổ chức nào sau  đây:

**A.** APEC, ASEAN, WTO, UNESCO,  UNICEF

**B.** APEC, ASEAN, WTO, UNESCO, EU

**C.** APEC, ASEAN, WTO, NAFTA,  UNICEF

**D.** APEC, ASEAN, ASEM, ANDEAN

**Câu 29:**  Tiền thân của tổ chức WTO(Tổ chức thương mại thế giới  là):

**A.** GATT **B.** EEC **C.** SEV **D.** NAFTA

**Câu 30:**  Nội thương phát triển góp phần

**A.** Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất và phân công lao động theo vùng và lãnh thổ.

**B.** Gán thị trường trong nước với thị trường quốc tế, đẩy mạnh quan hệ giao lưu kinh tế quốc tế.

**C.** Làm tăng kim ngạch nhập khẩu.

**D.** Làm tăng kim ngạch xuất khẩu.

**Câu 31:**  Khi giá trị hàng nhập khẩu lớn hơn giá trị hàng xuất khẩu thì gọi là

**A.** Xuất siêu.

**B.** Nhập siêu.

**C.** Cán cân xuất nhập dương.

**D.** Cán cân xuất nhập âm.

Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2014**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quốc gia | Gía trị xuất khẩu (tỉ USD)  | Gía trị nhập khẩu (tỉ USD) | Số dân (triệu người) |
| Hoa Kì | 1610 | 2380 | 234,3 |
| Ca-na-da | 465 | 482 | 34,8 |
| Trung Quốc | 2252 | 2249 | 1378 |
| Ấn Độ | 464 | 508 | 1330 |
| Nhật Bản | 710 | 811 | 127 |
| Thái Lan | 232 | 219 | 67,7 |
| Đức | 1547 | 1319 | 80,9 |
| Pháp | 578 | 634 | 66,2 |

Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi từ 32 đến 35

**Câu 32:**  Các quốc gia nhập siêu là:

**A.** Hoa Kì,Ca- na-da, Nhật Bản,Ấn Độ,Pháp.

**B.** Trung Quốc,Ca-na-da, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp.

**C.** Trung Quốc ,Thái Lan, Đức.

**D.** Hoa Kì, Ca-na-da, Thái Lan, Đức

**Câu 33:**  Các quốc gia xuất siêu là

**A.** Hoa Kì, Ca- na-da, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp.

**B.** Trung Quốc,Ca-na-da, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp.

**C.** Trung Quốc, Thái Lan, Đức.

**D.** Hoa Kì, Ca-na-da, Thái Lan, Đức.

**Câu 34:**  Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu của các quốc gia là

**A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ cột. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ miền.

**Câu 35:**  Hoa Kì có cán cân xuất nhập khẩu là

**A.** -770 tỉ USD. **B.** 760 tỉ USD. **C.** 770 tỉ USD. **D.** -760 tỉ USD.

**Câu 36:**  Các nước Canađa, Hoa Kì, Mêhicô là thành viên của tổ chức:

**A.** EU **B.** APEC **C.** NAFTA **D.** MECOSOUR

**Câu 37:**  Thành viên thứ 10 của tổ chức ASEAN  là:

**A.** Lào **B.** Campuchia **C.** Việt Nam **D.** Philippin

**Câu 38:**  Hiện nay những đồng tiền nào sau đây trở thành ngoại tệ mạnh trong hệ thông tiền tệ thế giới?

**A.** Đô la Mĩ, đồng ơrô, đồng Bảng Anh, đồng Mác Đức.

**B.** Đô la Mĩ, đồng ơrô, đồng Bảng Anh, đồng Yên Nhật.

**C.** Đô la Mĩ, đồng ơrô, đồng Bảng Anh, đồng Frăng Pháp.

**D.** Đô la Mĩ, đồng ơrô, đồng Bảng Anh, Đô la Xin-ga-po.

**Câu 39:**  Phát biểu nào sau đây không đúng về thị trường thế giới hiện nay?

 **A.** Đồng tiền cùa các cường qụốc về xuất nhập khấu là ngoại tệ mạnh

 **B.** Tỉ trọng xuất khẩu hàng chế biến tăng, các mặt hàng nông sản giảm

 **C.** Tỉ trọng hàng xuất nhập khẩu của các nước tư bản phát triển lớn nhất.

 **D.** Khối lượng buôn bán toàn thế giới và của các nhóm nước giảm nhiều.

**Câu 40:**  Tỉ trọng buôn bán nội vùng lớn nhất là ở

 **A.** Bắc Mĩ. **B.** châu Á. **C.** châu Âu. **D.** châu Phi.

**Câu 41:**  Tỉ trọng buôn bán so với toàn thế giới lớn nhất là ở

**A.** Bắc Mĩ. **B.** Châu Á. **C.** Châu Âu. **D.** Châu Phi.

**Câu 42:**  Các nước kiểm soát tình hình thị trường thế giới là những nước

**A.** chiếm ti trọng cao cả về xuất khẩu và nhập khâu của toàn thế giới.

**B.** chiếm tỉ trọng cao trong giá trị sản xuất công nghiệp toàn thế giới,

**C.** có nền kinh tế phát triển mạnh cả về công, nông nghiệp và dịch vụ.

**D.** có nền kinh tế phát triển mạnh và hoạt động xuất khẩu phát triển.

**Câu 43:**  Chi phối mạnh nền kinh tế thế giới là những cường quốc về

**A.** xuất khẩu, nhập khẩu. **B.** công nghiệp chế biến,

**C.** hàng không, vũ trụ. **D.** khoa học công nghệ.

**Câu 44:**  Các trung tâm buôn bán lớn nhất trên thế giới hiện nay là

**A.** Hoa Kì,Tây Âu, Nhật Bản, Trung Quốc. **B.** Hoa Kì,Tây Âu, Nhật Bản, Pháp,

**C.** Hoa Kì, Tây Âu, Nhật Bản, Đức. **D.** Hoa Kì, Tây Âu, Nhật Bản, Xin-ga-po.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | ĐA | CÂU | ĐA | CÂU | ĐA | CÂU | ĐA | CÂU | ĐA |
| 1 | D | 11 | D | 21 | C | 31 | B | 41 | C |
| 2 | A | 12 | D | 22 | D | 32 | A | 42 | A |
| 3 | D | 13 | A | 23 | C | 33 | C | 43 | A |
| 4 | B | 14 | A | 24 | D | 34 | B | 44 | A |
| 5 | C | 15 | A | 25 | D | 35 | A |  |  |
| 6 | B | 16 | B | 26 | D | 36 | C |  |  |
| 7 | C | 17 | A | 27 | C | 37 | B |  |  |
| 8 | B | 18 | D | 28 | A | 38 | B |  |  |
| 9 | D | 19 | D | 29 | A | 39 | D |  |  |
| 10 | A | 20 | A | 30 | A | 40 | C |  |  |